

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11/4/2025

*“Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẠCH THÔNG – TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ma Thị Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Gấm và bà La Thị Hà

*Thư ký phiên toà: Ông Cao Văn Thuận – Thẩm tra viên, Toà án nhân dân
huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông tham gia phiên toà: Bà
Trương Thị Thắm- Kiểm sát viên.*

Ngày 11 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông,
tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:
36/2024/TLST – HNGĐ, ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly
hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
01/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Thục C**, sinh năm 1993. Có mặt

Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Bị đơn: Anh **Nông Văn K**, sinh năm 1985. Vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2024 và quá trình giải quyết vụ án cũng
như tại phiên tòa, nguyên đơn Phan Thị Thục C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh Nông Văn K quen biết, tìm hiểu về
nhau rồi mới quyết định kết hôn, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được hai bên
gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Chị C và anh
K tự nguyện đến UBND xã V, huyện N để đăng ký kết hôn theo quy định của
pháp luật vào ngày 05/6/2012. Sau khi kết hôn chị C, anh K sinh sống, làm ăn,
sinh con tại xã T, huyện B. Quá trình sống chung thời gian đầu vợ chồng hòa
thuận, hạnh phúc, đến năm 2017 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn,
nguyên nhân do thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2017 đến nay,
chị C và anh K sống ly thân, quá trình sống ly thân không ai có nguyện vọng hàn

gắn tình cảm vợ chồng, khi ly thân chị C, anh K không ai quan tâm đến ai, mỗi người đi làm ăn một nơi. Đến nay chị C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị C xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh K nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh Nông Văn K.

- Về con chung: Chị C và anh K có 01 con chung là Nông Kim N, sinh ngày 26/6/2013, con khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện tại đang học sinh lớp 6A, trường THCS P, huyện B. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung.

* Bị đơn Nông Văn K: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành lấy được bản tự khai, lời khai của bị đơn do anh K không hợp tác, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng bị đơn Nông Văn K không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

* Các tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Anh Nông Văn K có vợ là chị Phan Thị Thục C, anh K là công dân có hộ khẩu, sinh sống và làm ăn tại thôn P (nay là thôn B), xã T, huyện B. Anh K và chị C kết hôn năm 2012, vợ chồng sinh sống tại địa phương đến năm 2017 thì thấy cả hai vợ chồng đều đi làm ăn, thỉnh thoảng mới thấy có mặt tại nơi cư trú. Thời gian sinh sống tại địa phương thấy những năm đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Đến khoảng cuối năm 2017 đến nay chỉ thấy anh K có mặt tại địa phương vào những ngày nghỉ, lễ, tết, không thấy chị C về sinh sống tại địa phương. Anh K có nơi cư trú tại thôn B, xã T, tuy nhiên đang đi làm ăn, hiện nay làm ở đâu anh K không thông báo nên chính quyền địa phương không biết địa chỉ cụ thể, nhưng thỉnh thoảng ngày lễ, tết vẫn thấy anh K có mặt tại thôn, xã do có con, mẹ đẻ và anh chị em ruột của anh K sinh sống tại địa phương. Theo thông tin thôn, xã nắm được thì nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn như chị C trình bày là có căn cứ, vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến ly thân, vợ chồng sinh sống mỗi người một nơi, chị C đã chuyển hộ khẩu về nhà bố, mẹ đẻ ở Tiểu khu B, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn sinh sống riêng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/12/2024, cháu Nông Kim N trình bày: Cháu N thấy hiện nay bố, mẹ cháu không ở cùng với nhau, bố đi làm ăn ở đâu cháu không biết địa chỉ cụ thể, thỉnh thoảng ngày nghỉ, lễ, tết có về thăm cháu và ở cùng với cháu mấy ngày rồi lại đi làm ăn. Hiện tại cháu đang ở cùng bà nội tại thôn B, xã T và đi học, do mẹ đi làm ăn nên chưa đón cháu đi ở cùng, nhưng mẹ (Phan Thị Thục C) thường xuyên gọi điện hỏi thăm, dạy bảo cháu và cho cháu tiền ăn, tiền học, tiền mua sách vở. Nếu bố, mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng ở với mẹ là Phan Thị Thục C, vì mẹ quan tâm, chăm sóc, dạy bảo và cho tiền ăn học, cháu thích ở với mẹ hơn.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nông Văn K nhiều lần nhưng anh K không có mặt, tại phiên tòa đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Nông Văn K vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

* Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự không bị hạn chế quyền tham gia tố tụng và thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng. Bị đơn vắng mặt nên không tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

* Về yêu cầu khởi kiện của đương sự và đường lối giải quyết vụ án.

- Về quan hệ hôn nhân: Theo tài liệu thu thập được và ý kiến của nguyên đơn thấy, chị Phan Thị Thục C và anh Nông Văn K có kết hôn hợp pháp, quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách, không có tiếng nói chung trong việc làm kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Chị C xác định vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, mỗi người sinh sống một nơi, tình cảm vợ chồng không còn nên theo quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì không đảm bảo được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C xin ly hôn với anh Nông Văn K là có căn cứ.

- Về con chung: Chị C và anh K có 01 con chung là Nông Kim N, sinh ngày 26/6/2013, con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, Chị C yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do anh K không có ý kiến về việc nuôi con chung, mặt khác chị C là người đang trực tiếp quan tâm, chăm sóc, dạy bảo và cho tiền ăn học nên cần giao con cho chị C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

Đề nghị căn cứ Điều 28; 35; 39; 147; 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1, Điều 56; 58; Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phan Thị Thục C, cho chị C được ly hôn với anh Nông Văn K.

* Về con chung: Giao con chung Nông Kim N, sinh ngày 26/6/2013 cho chị Phan Thị Thục C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi lý hôn, anh Nông Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu.

* Về tài sản chung và vay nợ chung: Không yêu cầu.

* Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình vợ chồng có đăng ký kết hôn hợp pháp. Căn cứ vào Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Bị đơn Nông Văn K không hợp tác và được Tòa án tiến hành thông báo hòa giải nhưng anh K không có mặt, chị C không yêu cầu hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại Điều 207/BLTTDS. Tuy nhiên, vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định tại Điều 208/BLTTDS.

Tại phiên tòa, bị đơn Nông Văn K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Thục C và anh Nông Văn K kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 05/6/2012. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong việc làm kinh tế gia đình, bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Từ khi sống ly thân không ai quan tâm đến ai, không ai mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị C yêu cầu được ly hôn với anh Nông Văn K.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ lời khai của chị C và các tài liệu chứng cứ xác minh tại địa phương thấy quan hệ hôn nhân của chị C và anh K là đúng thực tế, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, mỗi người sinh sống một nơi, kinh tế tự làm ăn riêng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh K không hợp tác để trình bày ý kiến, quan điểm nên chị C yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị C và anh K có 01 con chung là Nông Kim N, sinh ngày 26/6/2013, con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét thấy, anh K hiện nay đi làm ăn, không trực tiếp nuôi con, đồng thời cũng không có ý kiến gì khi Tòa án giải quyết vụ án. Mặt khác, chị C thường xuyên quan tâm, chăm sóc, chu cấp tiền nuôi con đầy đủ, ổn định hơn. Để đảm bảo quyền lợi của con chung cần giao con chung cho chị Phan Thị Thục C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Nông Văn K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Phan Thị Thục C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, khoản 1, Điều 56; 58; Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị Thục C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị Thục C, chị C được ly hôn với anh Nông Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung Nông Kim N, sinh ngày 26/6/2013 cho chị Phan Thị Thục C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Nông Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung và vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phan Thị Thục C phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001295 ngày 28/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị C đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành bản án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND H. Bạch Thông;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS H. Bạch Thông;
- Các đương sự;
- UBND xã V,
- Lưu HSVA;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ma Thị Nguyên

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thăng B + Chu Thị Thu Trang Ma Thị N1

